

**PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**  
**TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT 135/NQ-CP NGÀY 22/5/2026 CỦA CHÍNH PHỦ**

**Đơn vị: TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**  
*(Kèm theo Quyết định số:       /QĐ-SCT ngày        /        /2026 của Sở Công Thương)*

**Chương: 416**

*ĐVT: Đồng*

| STT        | Nội dung                                                  | Tổng số                      | TT Khuyến công & XTTM        | Tiết kiệm theo Nghị quyết 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 | Dự toán còn lại sau khi tiết kiệm |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------|
|            |                                                           |                              | Sự nghiệp kinh tế            |                                                    |                                   |
| A          | B                                                         | C                            | D                            | E                                                  | F                                 |
| <b>I</b>   | <b><u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u></b> |                              |                              |                                                    |                                   |
| <b>II</b>  | <b><u>Dự toán chi ngân sách nhà nước</u></b>              | <b><u>14.662.000.000</u></b> | <b><u>14.662.000.000</u></b> | <b><u>1.406.200.000</u></b>                        | <b><u>13.255.800.000</u></b>      |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>                              | <b>14.662.000.000</b>        | <b>14.662.000.000</b>        | <b>1.406.200.000</b>                               | <b>13.255.800.000</b>             |
| <b>2.1</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                     | <b>2.495.000.000</b>         | <b>2.495.000.000</b>         | <b>64.450.000</b>                                  | <b>2.430.550.000</b>              |
|            | <i>Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 13</i>                    |                              |                              |                                                    |                                   |
|            | Lương và kinh phí hoạt động thường xuyên                  | 2.495.000.000                | 2.495.000.000                | 64.450.000                                         | 2.430.550.000                     |
| <b>2.2</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>               | <b>12.167.000.000</b>        | <b>12.167.000.000</b>        | <b>1.341.750.000</b>                               | <b>10.825.250.000</b>             |
|            | <i>Loại 280 - Khoản 309 - Nguồn 12</i>                    |                              |                              |                                                    |                                   |
| -          | Nghịệp vụ khuyến công                                     | 7.317.000.000                | 7.317.000.000                | 865.030.000                                        | 6.451.970.000                     |
|            | <i>Loại 280 - Khoản 321 - Nguồn 12</i>                    |                              |                              |                                                    |                                   |

| STT | Nội dung                                      | Tổng số        | TT Khuyến<br>công & XTTM | Tiết kiệm theo<br>Nghị quyết<br>135/NQ-CP<br>ngày 22/5/2026 | Dự toán còn lại<br>sau khi tiết<br>kiệm |
|-----|-----------------------------------------------|----------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|     |                                               |                | Sự nghiệp kinh<br>tế     |                                                             |                                         |
| A   | B                                             | C              | D                        | E                                                           | F                                       |
| -   | Nghiep vụ xúc tiến thương mại                 | 4.707.000.000  | 4.707.000.000            | 476.720.000                                                 | 4.230.280.000                           |
|     | <b><i>Loại 280 - Khoản 338 - Nguồn 18</i></b> |                |                          |                                                             |                                         |
| -   | Quỹ tiền thưởng                               | 143.000.000    | 143.000.000              | 0                                                           | 143.000.000                             |
|     | <b>Mã số đơn vị sử dụng NSNN</b>              | <b>1087731</b> |                          |                                                             |                                         |
|     | <b>Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch</b>   | <b>2024</b>    |                          |                                                             |                                         |